

Phụ lục I:
CHỈ TIÊU TRỒNG RỪNG PHÂN THEO CÁC THÔN
ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số: 249 /KH-UBND ngày 23 / 9 /2026 của UBND xã Tân Đoàn)

STT	Các thôn	Diện tích trồng rừng			ĐVT: Ha
		Tổng	Trồng rừng gỗ lớn	Trồng rừng gỗ nhỏ	
		150	30	120	
1	Nậm Rạt	-	-	-	
2	Khòn Cải	-			
3	Ba Xã	-			
4	Phai Rọ	-			
5	Còn Riêng	-			
6	Phai Làng	-			
7	Thống Nhất	-			
8	Còn Chuông	-			
9	Đoàn Kết	-			
10	Tông Han	31	6	25	
11	Sài Hồ	31	6	25	
12	Bản Cắm	31	6	25	
13	Tầm Danh	31	6	25	
14	Tân Tiến	26	6	20	

Phụ lục II:
CHỈ TIÊU TRỒNG CÂY PHÂN TÁN PHÂN THEO CÁC THÔN
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2026 của UBND xã T

DVT: Cây

STT	Xã, phường	Số cây trồng phân tán	Ghi chú
Tổng		120.000	
1	Năm Rặt	5.000	
2	Khòn Cái	5.000	
3	Ba Xã	5.000	
4	Phai Rọ	5.000	
5	Còn Riêng	5.000	
6	Phai Làng	5.000	
7	Thống Nhất	5.000	
8	Còn Chuông	5.000	
9	Đoàn Kết	5.000	
10	Tòng Han	15.000	
11	Sài Hồ	15.000	
12	Bản Cẩm	15.000	
13	Tầm Danh	15.000	
14	Tân Tiến	15.000	

ân Đoàn)

Phụ lục III:
CHỈ TIÊU XÂY DỰNG VÙNG SẢN XUẤT TẬP TRUNG
GIẢI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2026 của UBND xã Tân Đoàn)

ĐVT: Ha

STT	Xã, phường	Các vùng sản xuất tập trung							
		Vùng Hời	Vùng Thông	Vùng Keo	Vùng Bạch Đàn	Vùng Quế	Vùng Dẻ	Vùng Mác Ca	Vùng được liệu dưới tán rừng
Tổng		2.820	1.700	-	-	-	-	20	15
1	Nậm Rạt	215						1	
2	Khòn Cải	303						2	3
3	Ba Xã	280						1	
4	Phai Rọ	306						4	3
5	Còn Riêng	292						1	
6	Phai Làng	385						1	4
7	Thống Nhất	322						1	
8	Còn Chuông	320						1	
9	Đoàn Kết	335						1	3
10	Tông Han	62	350					1	
11	Sài Hồ		390					1	2
12	Bản Cẩm		350					1	
13	Tầm Danh		320					1	
14	Tân Tiến		290					3	

Phụ lục IV:
CHỈ TIÊU KHAI THÁC GỖ, LÂM SẢN NGOÀI GỖ
GIẢI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2026 của UBND xã Tân Đức

STT	Xã, phường	Sản lượng khai thác gỗ (m3)	Sản lượng khai thác lâm sản ngoài gỗ			
			Khai thác nhựa Thông (tấn)	Khai thác Hoa Hài (tấn)	Khai thác Vỏ Quế (tấn)	Mác ca (tấn)
Tổng		250	1.900	4.500	-	-
1	Năm Rạt			520		
2	Khòn Cái			500		
3	Ba Xã			480		
4	Phai Rọ			510		
5	Còn Riêng			460		
6	Phai Làng			520		
7	Thống Nhất			500		
8	Còn Chuông			495		
9	Đoàn Kết			515		
10	Tùng Han	50	400			
11	Sài Hồ	60	400			
12	Bản Cẩm	50	400			
13	Tầm Danh	50	400			
14	Tân Tiến	40	300			

àn)

Diện tích Hồi hữu cơ
50
6
6
6
6
6
6
5
5
5
5

Phụ lục V:
CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ,
GIẢI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2026 của UBND xã Tân Đ

ĐVT: nghìn con

STT	Xã, phường	Chăn nuôi Bò	Ghi chú
Tổng		300	
1	Năm Rát	4	
2	Khòn Cái	50	
3	Ba Xã	60	
4	Phai Rọ	75	
5	Còn Riêng	7	
6	Phai Làng	5	
7	Thống Nhất	5	
8	Còn Chuông	5	
9	Đoàn Kết	64	
10	Tông Han	5	
11	Sài Hồ	5	
12	Bản Cắm	5	
13	Tầm Danh	5	
14	Tân Tiến	5	

oàn)